

LỊCH ĐẠI TAM BẢO KÝ

QUYỂN 5

CÁC KINH DỊCH Ở ĐỜI NGUY VÀ NGÔ

Sách chép về nhà Ngụy và nhà Ngô thì có Kinh đô là Kiến Nghiệp và Lạc dương. Tào Phi tự là Tử Hoàn, người Tiều ở Quận Bái, là thế tử của Tào Tháo Thừa tướng nhà Hán. Ngày Phi mới sinh thì có đám mây xanh hình dạng như cái lọng xe che ở phía trên xanh biếc suốt cả ngày. Người chuyên xem khí tượng khen đấy là dấu hiệu của bậc Thiên Tử không phải của kẻ bề tôi. Năm lên tám tuổi đã giỏi văn chương, nổi nghiệp Thừa tướng làm Ngụy Vương. Sau được nhà Hậu Hán nhường ngôi, đổi làm nước Ngụy, nhưng vẫn đóng đô ở Lạc dương. Mấy năm cuối của Viêm Hán, núi Ngũ nhạc làm nơi cúng tế trời đất. Năm Hoàng Sơ Ngụy được nhường ngôi. Cả nước được phân làm ba. Họ Tôn làm chúa nước Ngô, nhờ sông Trường giang mà mưu đồ việc thiên hạ. Dòng họ Lưu làm vua nhà Thục dựa ngày Kiếm các mà muốn an định cả Trung nguyên. Ai cũng có móng vuốt hoành hổ, oai thế Ngọa Long, cát cứ một vùng ý toan thôn tính lẫn nhau, tranh giữ biên cương, khóa chặt quan ải, rộng tìm các bậc anh tuấn để làm tay chân, hậu đãi hiền tài, quý như báu vật của nước, cho nên người giỏi có, sách lược hay đều tìm đến.

Ngài Tăng Hội đến nước Ngô, thì Xá-lợi hiển linh chói sáng miền Giang Tả, còn ngài Ca-la tới Ngụy, thì giới luật truyền bá khắp Lạc dương pháp luật từ đó được coi trọng. Do đó ngày đời tùy, vua đặt ra chức quan trọng coi về dịch kinh, hưng lúc dịch kinh thì ví tiếng địa phương, đề rõ danh mục có trong đó có các dịch phẩm đời Ngô. Ở Thục Phổ Diệu dịch trùng quá nhiều, do đó mà bắt đầu có các chi phái, mất tên người dịch là ở đó. Ngụy, Thục, Ngô bấy giờ như đánh ba chân. Nhưng chỉ riêng nước Thục không có mặt trời sách ghi chép các niên đại thì đâu phải ở đó không có Phật chiếu soi rạch rỏ trên khoảng không mà chỉ vì không có duyên thôi. Việc không thấy được sấm Pháp rền vang cả trời đất là vì kẻ ấy ngồi trong nhà kín nên không nghe thấy

được. Vả lại tuy Cựu Lục có chú các kinh Phổ Diệu, Thủ-lãng-nghiêm ở Thục nhưng lại thiếu tên dịch giả và năm tháng đời vua mà kinh đã được dịch. Nếu muốn ghi thuật lại thì không biết dựa ngày đầu, do đó mà sắp ngày loại thiếu tên người dịch, nên không có chép riêng.

Tôn Quyền tự là Trọng Mưu, người ở Phú Xuân thuộc Ngô, đời làm quan ở đất Ngô. Trên các mồ mả ở phía đông nhà thường có vận khí và ánh sáng lạ (thần quang). Vả lại lúc mang thai Quyền thì bà mẹ mộng thấy ruột dài ra quấn quanh cả cửa Ngô Xương. Mọi người đều khen đó là điềm đồng dôi họ Tôn hưng thịnh sau này. Khi Quyền mới sinh ra một thì mắt đã có ánh sáng lạ, má vuông miệng rộng. Cha cho là lạ tất Quyền sẽ làm vua chúa. Vượt qua Mân Việt đóng đô ở vùng phong trao chức tước các chư Hầu, kiến lập niên hiệu. Tế cáo đất trời, sông núi, xây mặt về phương Nam mà tự xưng vua Ngô. Dời đến đất Lăng rồi đổi thành Kiến Nghiệp.

Nhà Ngụy nổi nghiệp nhà Hậu Hán được hai năm thì Quyền lên ngôi, có bốn đời vua trị vì suốt năm mươi chín năm. Khi Hạo lên ngôi được hai năm thì nhà Ngụy nhường ngôi cho nhà Tấn. Tấn trị vì đến năm thứ mười lăm thì diệt nước Ngô. Nếu tính số năm thì Hạo trị vì được mười bốn năm rồi sáp nhập ngày nhà Tấn. Nay thu nhặt các sách vở gom lại lập thành Ngô Lục. Từ năm Canh Tý niên hiệu Hoàng Sơ đời vua Văn Đế cho đến năm Giáp Thân niên hiệu Hàm hi thứ nhất đời vua Nguyên Đế. Trong thời gian đó có năm đời vua trị vì suốt bốn mươi lăm năm. Tất cả kinh luật Yết-ma do mười vị cả kể tục người đạo dịch ra và các kinh dịch từ trước mất tên người dịch thì gồm có ba trăm mười hai bộ, bốn trăm tám mươi ba quyển. Số kinh luật đó được coi chung cho cả hai đời Ngụy và Ngô, gồm chín đời vua ở hai kinh đô. Các sách Thế Lục ghi chép như thế.

*** Nhà Ngụy:**

- Sa-môn Đàm-kha-ca-la có một bộ, một quyển giới.
- Sa-môn Khương Tăng Khải có hai bộ, bốn quyển kinh.
- Sa-môn Đàm-đế có một bộ, một quyển Yết-ma.
- Sa-môn Bạch Diên có sáu bộ, tám quyển kinh.
- Sa-môn Chi Cương Lương Tiếp có một bộ, sáu quyển kinh.
- Sa-môn An Pháp Hiền có hai bộ, năm quyển kinh.

*** Nhà Ngô:**

- Sa-môn Duy-kỳ-nan có hai bộ, sáu quyển kinh.
- Sa-môn Trúc Luật Viêm có ba bộ, ba quyển kinh.

- Ưu-bà-tắc Giới Chi Khiêm có một trăm hai mươi chín bộ, một trăm hai mươi hai quyển kinh.

- Sa-môn Khương Tăng Hội có mười bốn bộ, hai mươi chín quyển kinh và chú giải.

- Các kinh mất tên người dịch gồm một trăm mười bộ, hai trăm chín mươi một quyển kinh.

*** Đòi Ngụy:**

Có Tăng-kỳ Giới Bốn một quyển, dịch lần đầu thấy ghi ở Trúc Đạo Tổ, Ngụy Thế Lục.

Bản Giới Bốn một quyển trên là do Sa-môn Đàm-kha-ca-la, người nước Trung Thiên Trúc dịch. Ngụy Lục nói rằng: Lúc ngài (Ca-la) nói pháp thì còn trẻ, tài ba thông minh, phẩm chất như ngọc quý. Đọc sách chỉ một lần xem qua thì văn nghĩa đều thông suốt. Giới bốn thứ Vi-đà (Phệ-đà), biết xem gió mây, trăng sao, đồ hình, thơ sấm vận mệnh thay đổi... Không thứ nào là không rành rẽ Tự bảo là tất cả thế gian đều ở trong tâm và mắt mình. Năm hai mươi lăm tuổi, khi ngày Tăng phòng, thấy quyển Pháp Thắng Tỳ-đàm Tâm, liền lấy xem, nhưng mịt mờ không hiểu gì cả. Càng cố gắng tỉnh táo thì càng thêm mê muội. Bèn than: Phật Pháp thật quá sâu kín luận đủ cả ba đời. Bèn đi xuất gia, đọc kinh Đại tiểu thừa và các luật tạng, đi du hóa đến tận Lạc dương. Thời ấy ở nước Ngụy tuy có Phật pháp nhưng đạo phong còn lấm lẩn, cũng đã có chúng tăng nhưng chưa có quy giới, chỉ lấy việc cạo đầu là khác tục mà thôi. Nếu có việc trai sám thì cũng giống y như sự cúng tế. Khi ngài Ca-la đã đến truyền bá rộng rãi Phật pháp, chư tăng thỉnh ngài dịch Tỳ-ni. Ngài Ca-la thấy luật tạng có các phép tắc quá khúc mắc tỉ mỉ, lời văn lại rườm rà dong dài, mà Phật pháp ở đây chưa được hưng thịnh lắm, chưa cần phải dùng đến. Cho nên ngày năm Gia Bình, châu chùa Bạch mã ngài dịch ra bộ Giới Bốn một quyển này, từ đây mới đầy đủ giới pháp sớm chiều ba tháng hạ vậy.

- Úc-già Trưởng Giả Sở Vấn Kinh, hai quyển (bản dịch lần hai, một tên là Úc-già-la-việt Vấn Bồ-tát Hạnh Kinh, thấy ghi trong Trúc Đạo Tổ Ngụy Lục).

- Vô Lượng Thọ Kinh, hai quyển (bản dịch lần hai, thấy ghi trong Trúc Đạo Tổ Tân Thế Tạng Lục và trong Bảo Xương Lục. Bản dịch này so với bản dịch của ngài Thế Cao có khác chút ít).

Cả hai bộ trên gồm bốn quyển do Sa-môn Khương Tăng Khải,

người nước Thiên Trúc dịch ra tại chùa Bạch mã ở Lạc dương, ngày năm Gia Bình đời vua Tề. Trong Cao Tăng Truyện gọi tắt là Úc-già Trưởng Giả... bốn quyển. Kiểm tra lại về Đạo tổ Ngụy Tân Lục, Tăng Hựu Lục, Xuất Tam Tạng Ký và Bảo Xướng Lục và Lương Đại Lục thì thấy đều nói như trên. Từ ngoài hai bộ trên thì đều không nêu rõ tên, xét qua các Lục khác cũng không thấy.

- Đàm-vô-đức Yết-ma, một quyển (bản dịch đầu tiên, thấy ghi ở Trúc Đạo Tổ Ngụy Lục).

Một quyển Đàm-vô-đức trên thì Ngụy Lục gọi là Pháp Tạng. Tạng Sư Địa-lê-trà-do là đệ tử đời thứ chín của ngài A-du-xà. Tạng là người nối đời sau cùng tức là Tứ Phần Luật Chủ, từ đây mà các bộ khác đều hưng thịnh. Đây là khoảng thời gian sau khi Phật diệt độ hai trăm năm. Sau đó có Sa-môn Đàm-đế, người nước An Tức từ năm Chánh Nguyên thứ nhất, đời Cao Quý Hương Công, đã đến tận vùng Lạc Nhuế (ngài rất giỏi về luật học. Ở Bạch mã, chúng đã mời ngài dịch.

- Thủ-lãng-nghiêm Kinh hai quyển (bản dịch thứ hai. So với bản dịch của ngài Chi-sấm ở đời Hán, lời văn rất giống chỉ khác chút ít, thấy ghi ở phần Trúc Đạo Tổ Tấn Thế Tạng Lục và trong Tam Tạng Ký).

- Vô Lượng Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác Kinh, hai quyển (bản dịch thứ ba. So với bản dịch của các ngài Thế Cao và Khương Tăng Khải thì cùng tên là Vô Lượng Thọ Kinh, chỉ khác chút ít, thấy ghi ở Trúc Đạo Tổ Tấn Thế Tạng Lục).

- Xoa tu Lại Kinh, một quyển (một bản không có chữ “Xoa”, thấy ghi trong các Lục Trúc Đạo Tổ và Tăng Hựu v.v...).

- Trừ Tai Hoạn Kinh, một quyển (thấy trong Tam Tạng Tập Ký).

- Bình Đẳng Giác Kinh, một quyển (thấy trong Trúc Đạo Tổ Ngụy Ngô Lục).

- Bồ-tát Tu Hành Kinh, một quyển (một tên là Trưởng Giả Oai Thí Sở Vấn Bồ-tát Tu Hành Kinh, một bản có tên là Trưởng Giả Tu Hành Kinh, thấy ghi trong hai Lục Thủy Hưng và Bảo Xướng).

Cả sáu bộ gồm tám quyển trên, thuộc đời Cao Quý Hương Công, do Sa-môn Bạch Diên, người Tây Vực, đem Đạo đi du hóa. Đến năm Cam Lộ thì đến ở Bạch mã tại Lạc dương, chúng mời ngài dịch ra.

- Pháp Hoa Tam-muội Kinh, một bộ sáu quyển (một bản có chữ “Chánh”. Trong Tăng Hựu Lục bảo là mất tên người dịch).

Một bộ sáu quyển trên, ở đời Cao Quý Hương Công, năm đầu

Cam Lộ, tháng bảy, Sa-môn Chi Cương Lương Tiếp người ngoại quốc (Ấn Độ) dịch Sách Ngụy nói là Chánh vô Úy ở Giao Châu dịch, Sa-môn Đạo Thịnh bút thọ. Tăng Hựu Lục thì bảo là mất tên người dịch. Phòng kiểm thấy ghi ở Trúc Đạo Tổ Ngụy Thế Lục và Thủy Hưng Lục. Nếu dựa ngày Giao Châu và thủy Hưng Lục thì phải sáp nhập ngày Ngô Lục. Nay căn cứ ngày Ngụy Lục nên phụ ngày đây.

- La-ma-già Kinh, ba quyển (thấy ghi trong bốn Lục là Trúc Đạo Bảo Xướng, Pháp Thượng Linh và Tăng Hựu).

- Đại Bát-niết-bàn Kinh, hai quyển (là tóm lược nhiều phẩm trước của Đại Bản làm thành hai quyển này. Thấy ghi trong Trúc Đạo Tổ, Ngụy Lục, là bản dịch đầu).

Cả hai bộ gồm năm quyển trên do Sa-môn An Pháp Hiền người ngoại quốc (Ấn) dịch. Các sách đều bảo là đời Ngụy nhưng không rõ đời vua nào. Nay căn cứ ngày bản ghi chép ở phần cuối. Lại trong Biệt Lục cũng có ghi.

- Ngô A-sai-mạt Bồ-tát Kinh, bốn quyển (bản dịch đầu, thấy ghi trong Ngô Lục và Biệt Lục).

- Pháp Cú Kinh, hai quyển (bản dịch đầu, Ngô Lục nói là năm quyển, thấy ghi trong Tam Tạng Ký).

Cả hai bộ trên gồm sáu quyển, đời Ngụy Văn Đế, Sa-môn Duy-kỳ-nan ngô dịch là chương ngại người nước Trung Thiên Trúc dịch. ngài học thông ba Tạng rất giỏi về bốn kinh A-hàm, dạo qua khắp nhiều nước, lấy việc hành hóa làm sự nghiệp. Ngài ra đi từ nước Tây Vực cùng bạn là Ngài Trúc Luật Viêm đến từ Giang Tả, ngày năm Hoàng Võ thứ ba, châu Quân Võ Xương hai ngài cùng dịch kinh ra tiếng Ngô (Hán). Riêng ngài Duy-kỳ-nan chưa rành tiếng Hán nên chỗ dịch chưa được rọt ráo lắm, chỉ dịch được nghĩa gốc, lời lẽ câu văn hãy còn chất phác.

- Tam-ma-kiệt Kinh, một quyển (thấy ghi trong Thủy Hưng Lục, so với Phân Hòa Đàn Vương Kinh thì giống nhiều khác ít).

- Phạm Chí Kinh, một quyển (thấy trong Thủy Hưng Lục, giống với bản Ngũ Bách Phạm Chí Kinh chỉ khác người dịch).

- Phật Y Kinh, một quyển (cùng dịch với ngài Chi Việt, không phải toàn bộ Đại Kinh mà chỉ tóm lược, thấy trong Bảo Xướng Lục. Hoặc gọi là Phật Y Vương Kinh).

Cả ba bộ kinh gồm ba quyển trên, ở đời Ngụy Minh Đế, ngài Sa-môn Trúc Luật Viêm người nước Thiên Trúc dịch theo yêu cầu của Tôn Quyền ở Dương đô, sau khi ngài Duy-kỳ-nan tịch. Các sách chép không giống nhau, hoặc gọi là Tướng Viêm, hoặc Trì Viêm, hoặc Luật Viêm, chưa rõ là đúng nay xin nêu đủ.

- Đại Minh Độ Kinh, bốn quyển (cũng gọi là Đại Minh Độ Vô Cực Kinh, hoặc sáu quyển, thấy trong cả hai Lục: Trúc Đạo Tổ, Ngụy, Ngô).

- Thiên Bí Yếu Kinh, bốn quyển (cũng gọi là Thiên Pháp Bí Yếu, thấy trong Ngô Lục và Biệt Lục).

- A-sai-mạt Bồ-tát Kinh, bốn quyển (thấy trong Ngô Lục, bản dịch thứ hai. So với bản dịch trước của ngài Duy-kỳ-nan thì bản văn có sai khác chút ít).

- Bồ-tát Bản Duyên Tập Kinh, bốn quyển (truyền rằng do Sa-môn Tăng-già-tư-na người nước Thiên Trúc soạn, hoặc ba quyển).

- Duy-ma-cật Sở Thuyết Bất Tư Nghì Pháp Môn Kinh, ba quyển (cũng gọi là Phật Thuyết Phổ Nhập Đạo Môn Kinh hoặc hai quyển. Bản dịch thứ hai, so với bản dịch của ngài Nghiêm Phật Điều đời hậu hán có chút ít sai khác. Thấy trong Trúc Đạo Tổ Ngụy Ngô Lục và Tam Tạng Ký).

- Tu Hành Phương Tiện Kinh, hai quyển (hoặc có chữ “Thiên” thấy trong Ngô Lục).

- Đại Bát-nê-hoàn Kinh, hai quyển (đây tóm lược phần tựa của Đại bản và phẩm Ai Thán làm hai quyển, ở quận ba tờ sau thì có chút ít sai khác. Thấy trong Trúc Đạo Tổ Ngô Lục. Ngài Đạo An bảo là rút từ Trường A-hàm. Ngài Tăng Hựu bảo là Trường A-hàm cùng bộ này khác nhau. Bản dịch thứ hai).

- Thụy Ứng Bản Khởi Kinh, hai quyển (bản dịch lần hai, năm Hoàng Võ, một tên là Thái Tử Bản Khởi Thụy Ứng, so với bản dịch của Khang Mạnh Tường thì có sai khác chút ít. Tạ Thương ở Trần Trương Tẩy ở quận Ngô ... bút thọ. Đông A Vương thực đời Ngụy xác định rõ. Thấy trong Thủy Hưng Lục và Tam Tạng Ký).

- Pháp Kính Kinh hai quyển (Đạo An Lục không có. Tăng Hựu Lục thì nói là thấy trong Biệt Lục. Ngài Khương Tăng Hội viết tựa và chú giải).

- Tiểu A-sai-mạt Kinh, hai quyển (thấy ở Biệt Lục và Tam Tạng Ký).

- A-di-đà Kinh, hai quyển (bản dịch thứ tư, so với bản dịch của Thế Cao đời Hán và của Tăng Khải đời Ngụy thì có khác chút ít. Nội Đề gọi là A-di-đà Tam-da Tam-phật Tát-lâu-đàn Quá Độ Nhân Đạo Kinh. Cũng gọi là Vô Lượng Thọ Kinh. Thấy trong Trúc Đạo Tổ Ngô Lục).

- Nghĩa Túc Kinh, hai quyển (Thấy trong Trúc Đạo Tổ Ngô Lục và Bảo Xướng Lục).

- Phương Đẳng Thủ-lãng-nghiêm Kinh, hai quyển (dịch lần hai ngày năm Hoàng Võ, so với bản dịch của ngài Chi-sám đời Hậu Hán có khác chút ít. Thấy trong Trúc Đạo Tổ Ngô Lục, còn trong Đạo An Lục không có. Tăng Hựu Lục thì bảo là thấy trong Biệt Lục).

- Pháp Cú Kinh, hai quyển (bản dịch thứ hai, thấy trong Biệt Lục và Tam Tạng Ký, ít hay hơn bản dịch trước).

- Huệ Ấn Kinh, một quyển (một tên là huệ Ấn Tam-muội Kinh, một bản lại gọi là Thập Phương Hiện Tại Phật Tát Tại Tiên Lập Đại Định Kinh, bản khác lại gọi Bảo Điền huệ Ấn Tam-muội Kinh. Cùng bản với bộ Như Lai Trí Ấn Kinh nhưng khác người dịch. Thấy trong Trúc Đạo Tổ Ngô Lục và Tam Tạng Ký).

- Bốn Nghiệp Kinh, một quyển (một tên là Bồ-tát Bốn Nghiệp Kinh. Thấy trong Tăng Hựu Lục).

- Tu-lại Kinh, một quyển (bản dịch thứ hai, so với bản dịch của ngài Bạch Diên thì cũng một bản nhưng khác người dịch. Một tên là Tu Lại Bồ-tát Kinh Thấy trong Trúc Đạo Tổ Ngô Lục và Tam Tạng Ký).

- Phạm Ma-du Kinh, một quyển (Thấy trong Trúc Đạo Tổ Ngô Lục và Tam Tạng Ký).

- Tư A-mạt Kinh, một quyển (một tên là Tư A-muội. Ngài Đạo An bảo: đó là Bồ-tát Đạo Thọ Kinh, đồng bản mà khác người dịch, lại có tên khác. Thấy trong Đạo An Lục, Chi Mẫn Độ Lục, Tăng Hựu Lục).

- Vi Mật Trì Kinh, một quyển (hoặc gọi là Vô Lượng Môn Vi Mật Trì Kinh. Thấy trong Tăng Duệ Nhất Tần Lục và Tam Tạng Ký).

- Nguyệt Minh Đồng Tử Kinh, một quyển (hoặc gọi Nguyệt Minh Đồng Nam Kinh, hoặc gọi Nguyệt Minh Bồ-tát Tam-muội Kinh, thấy ghi trong Tam Tạng Ký).

- A-nan Tứ Sự Kinh, một quyển (thấy ở Tam Tạng Ký và Biệt Lục).

- Sai-ma-kiệt Kinh, một quyển (một tên là Bồ-tát Sinh Địa Kinh (Thấy trong Trúc Đạo Tổ Ngô Lục).

- Ưu-đa-la Mẫu Kinh, một quyển (một bản không có chữ Mẫu).

- Thất Nữ Kinh, một quyển (ngài Đạo An bảo rút từ A-tỳ-đàm, một bản gọi là Nữ Bản Kinh, dịch lần đầu).
- Úc-già Trưởng Giả Kinh, một quyển (bản dịch thứ hai, thấy trong Trúc Đạo Tổ Ngô Lục, hoặc nói có hai quyển).
- Bát Sư Kinh, một quyển (thấy trong Trúc Đạo Tổ Ngô Lục).
- Thích Ma-nam Bốn Kinh, một quyển (rút từ Trung A-hàm, thấy trong Trúc Đạo Tổ Ngô Lục).
- Bột Sao Kinh, một quyển (dịch đầu tiên, tức Bột Kinh, thấy trong Tam Tạng Ký và Biệt Lục).
- Lão Nữ Nhân Kinh, một quyển (rút từ A-tỳ-đàm. Ngô Lục gọi tắt là Lão Nữ Kinh hoặc Lão Mẫu Kinh, thấy trong Tam Tạng Ký).
- Trai Kinh, một quyển (dịch lần đầu, tên khác là Trì Trai Kinh, thấy trong Biệt Lục).
- Hối Quá Pháp Kinh, một quyển (một tên khác là Tự Thập Phương Lễ Bái Hối Quá Văn, hoặc không có chữ Kinh).
- Hiền Giả Đức Kinh, một quyển.
- Phật Tàng Thượng Sở Hành Tam thập Kệ Kinh, một quyển (hoặc không có chữ Kinh).
- Liễu Bốn Sinh Tử Kinh, một quyển (ngài Đạo An bảo là rút từ Sinh Kinh. Tăng Hựu bảo đây có năm quyển, Sinh Kinh không có tên này, lại một tên là Đạo Can, đồng bản chỉ khác người dịch. Ngài Chi Khiêm tự chú giải và viết tựa).
- Duy Minh Nhị Thập Kệ Kinh, một quyển (hoặc không có chữ Kinh).
- Long Thí Nữ Kinh, một quyển (Đạo An Lục không có, Tăng Hựu Lục thì bảo là thấy trong Biệt Lục).
- Lộ Tử Kinh, một quyển (Đạo An Lục không có, Tăng Hựu Lục thì bảo là thấy trong Biệt Lục và Trúc Đạo Tổ Ngô Lục cũng có ghi).
- Thập Nhị Môn Đại Phương Đẳng Kinh, một quyển (Đạo An Lục không có, Tăng Hựu Lục bảo là thấy trong Biệt Lục).
- Lại Tra-hòa-la Kinh, một quyển (dịch lần thứ hai, so với bản dịch của ngài Chi Diệu khác chút ít. Hoặc gọi là La-hán Lại Tra-hòa-la Kinh Đạo An Lục không có, Tăng Hựu Lục bảo là thấy trong Biệt Lục. Gồm ba mươi bộ kinh bốn mươi tám quyển trừ bộ Úc-già Trưởng Giả Kinh, đều thấy có trong Tăng Hựu Lục).
- Tứ Thập Nhị Chương Kinh, một quyển (dịch lần hai, so với bản của ngài Ma-đăng dịch có khác chút ít. Văn nghĩa đầy đủ đúng đắn, câu lời khá chỉnh. Thấy ghi trong Biệt Lục).

- Nan Long Vương Kinh, một quyển (một bản không có chữ Vương).
- Bất Tự Thủ Ý Kinh, một quyển (hoặc gọi Tự Thủ hoặc Bất Tự Thủ).
- Ngũ Âm Sự Kinh, một quyển.
- Thất Tri Kinh, một quyển (một bản viết là Trí rút từ Trung A-hàm, quyển bảy).
- Nhân Dân Cầu Nguyên Kinh, một quyển.
- Phật Khai Giải A-bạt Phạm Chí Kinh, một quyển (một bản gọi Phạm Chí A-bạt Kinh, rút từ Trường A-hàm).
- Bảo Hải Phạm Chí Thành Tựu Đại Bi Kinh, một quyển.
- Phạm Chí Tử Tử Đạo Bại Kinh, một quyển.
- Phạm Chí Vấn Phật Sư Kinh, một quyển.
- Hàng Thiên Phạm Chí Kinh, một quyển (rút từ Kinh A-hàm).
- Phạm Chí Kinh, một quyển (dịch lần hai).
- Độ Phạm Chí Kinh, một quyển.
- Ngoại Đạo Tiên Ni Thuyết Độ Kinh, một quyển.
- Phạm Chí Kiết Tịnh Kinh, một quyển.
- Phạm Chí Vấn Phật Thế Gian Tăng Giảm Kinh, một quyển.
- Phật Vị Ngoại Đạo Tu Thâm Thuyết Ly Dục Kinh, một quyển (hoặc không có chữ Thâm).
- Phạm Vông Lục Thập Nhị Kiến Kinh, một quyển (thấy trong Biệt Lục, Tăng Hựu Lục nói là Pháp Hộ dịch).
- A-chất Quốc Vương Kinh, một quyển.
- Kiệt Tham Vương Kinh, một quyển (rút từ Lục Độ tập).
- Quốc Vương Thành Tựu Ngũ Pháp Cửu Tồn Vi Thế Kinh, một quyển.
- Duy Lâu Vương Sư Tử Chúng Thí Dụ Kinh, một quyển (một bản không có chữ Thí Dụ).
- Chư Pháp Bốn Kinh, một quyển.
- Ngũ Mẫu Tử Kinh, một quyển.
- Giới Tiêu Phục Tai Kinh, một quyển (thấy trong Cựu Lục).
- Khổ Thọ Kinh, một quyển (thấy trong Đạo An Lục, một bản có chữ Đại ở trên).
- Thị Ngã Sở Kinh, một quyển (rút từ Sinh Kinh).
- Cam Lộ Đạo Kinh, một quyển (rút từ Xuất Diệu Kinh).
- Bất Tịnh Quán Kinh, một quyển (rút từ Trường A-hàm).
- Thủy Thượng Bào Kinh, một quyển.

- Hằng Thủy Giới Kinh, một quyển (thấy ở Cựu Lục hoặc không có chữ Giới).
- Sắc Vô Thường Kinh, một quyển (rút từ A-hàm).
- Hộ Khẩu Ý Kinh, một quyển.
- Thọ mạng Xúc Kinh, một quyển (rút từ Tạp A-hàm).
- Pháp Thí Thắng Kinh, một quyển.
- Chư Lậu Tận Kinh, một quyển (rút từ Tạp A-hàm, hoặc gọi là Chư Tận Kinh).
- Tu Hành Tứ Kinh, một quyển.
- Tu-ma-đề Trưởng Giả Kinh, một quyển.
- Ma-điều Vương Kinh, một quyển (dịch lần đầu, một bản không có chữ Vương).
- Tứ Nguyên Kinh, một quyển (thấy ở Trúc Đạo Tổ Ngô Lục và Tam Tạng Ký).
- Tịnh Hạnh Phẩm Kinh, một quyển (rút từ Hoa Nghiêm, một tên là Bồ-tát Bốn Nghiệp Kinh).
- Kim Cang Thanh Tịnh Kinh, một quyển (một tên là Kim Cang Tam-muội Bốn tánh Thanh Tịnh Bất Diệt Bất Hoại Kinh).
- Duy Việt Tạp Nạn Kinh, một quyển.
- Phật Vị Ha Đáo Khoáng Dã Quỷ Thuyết Pháp Kinh, một quyển.
- A-xà-thế Vương Nữ A-thuật-đạt Bồ-tát Kinh, một quyển (dịch lần đầu).
- Cần Tấn Học Đạo Kinh, một quyển (một bản không có chữ Cần).
- Bối Đa Thọ Hạ Tư Duy Thập Nhị Nhân Duyên Kinh, một quyển (dịch lần hai).
- Kiên Ý Kinh, một quyển (hoặc dùng chữ Tâm).
- Tam Phẩm Đệ Tử Kinh, một quyển.
- Ma-ha Tinh Tấn Kinh, một quyển (cũng gọi Đại Tinh Tấn Kinh).
- Bồ-tát Tu Hành Kinh, một quyển (thấy trong Bảo Xướng Lục).
- Phổ Quảng Bồ-tát Kinh, một quyển (thấy trong Biệt Lục).
- Đà-la-ni Cú Chú Kinh, một quyển (cũng gọi Trì Cú Chú Kinh).
- Hoa Tích Đà-la-ni Chú Kinh, một quyển (thấy trong Bảo Xướng Lục).
- Bát Cát Tường Kinh, một quyển (thấy trong Cổ Lục, cũng có chữ Chú, bản dịch lần đầu).

- Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật Chú Kinh, một quyển (thấy ở Bảo Xướng Lục, hoặc gọi tắt là Bát-nhã Ba-la-mật Chú Kinh).
- Thất Phật Thần Chú Kinh, một quyển (một bản không có chữ Kinh).
- Đại Từ Vô Giảm Kinh, một quyển.
- Bảo Nữ Minh Tam Thập Nhị Tướng Kinh, một quyển (một tên là Vấn huệ Kinh; một bản gọi là Tam Thập Nhị Sự Kinh, lại một bản gọi Bảo Nữ Vấn Kinh, bốn tên tất cả).
- Tam Ngư Thất Thủy Kinh, một quyển.
- Diển Đạo Tục Nghiệp Kinh, một quyển (thấy trong Cựu Lục hoặc không có chữ Nghiệp).
- Bất Trang Giảo Nữ Kinh, một quyển (thấy trong Bảo Xướng Lục).
- Thân Nhật Kinh, một quyển (ngài Đạo An nói rút từ Trung A-hàm).
- Tôn-đa-da Trí Kinh, một quyển (hoặc gọi Phạm Chí Tôn-đa-da Trí Kinh, ngài Đạo An nói là rút từ Trung A-hàm).
- Trưởng Giả Âm Duyệt Kinh, một quyển (một bản gọi Trưởng Giả Âm-duyet-bất-lan Ca-diếp Kinh; một bản gọi tắt là Âm-duyet-kinh).
- Mặc Thị Phạm Chí Kinh, một quyển (thấy trong Biệt Lục).
- Pháp Luật Kinh, một quyển (cũng gọi Pháp Luật Tam-muội Kinh).
- Xuất Gia Công Đức Kinh, một quyển (thấy trong Ngô lục).
- Tệ-ma-thí Mục-liên Kinh, một quyển (thấy trong Cựu Lục, rút từ A-tỳ-đàm).
- Thất Lậu Kinh, một quyển (thấy trong Biệt Lục).
- Lam Đạt Vương Kinh, một quyển (một bản tên Mục-liên Nhân Duyên Công Đức Kinh, hoặc gọi Mục-liên Công Đức Kinh, thấy trong Ngô Lục).
- Ma Nữ Văn Phật Thuyết Pháp Đắc Nam Thân Kinh, một quyển (thấy trong Biệt Lục, rút từ Đại Tập).
- Ma Hóa Tác Tỳ-kheo Kinh, một quyển.
- Phật Dĩ-tam-xa-hoán Kinh, một quyển (rút từ kinh Pháp Hoa).
- Vị Sinh Oán Kinh, một quyển.
- Phát-da-sa Vương Kinh, một quyển (một bản tên là Bình Sa Vương Ngũ Nguyên Kinh. Ngài Đạo An bảo rú từ Trung A-hàm).
- Tu-ma-đề Nữ Kinh, một quyển.
- Bách Dụ Kinh, một quyển.

- Tuyết Sơn Di Hầu Kinh, một quyển.
- Độ Thoát Cầu Tử Kinh, một quyển.
- Chế Cầu Kinh, một quyển.
- Tam Chứng Lương Mã Kinh, một quyển.
- Xi Điều Sự Kinh, một quyển.
- Hà Trung Thảo Quy Kinh, một quyển.
- Hạt Miết Kinh, một quyển.
- Tứ Chứng Lương Mã Kinh, một quyển (rút từ Tăng Nhất A-hàm).
- Ứng Diêu Lạp Kinh, một quyển (rút từ Tăng Nhất A-hàm).
- Pháp Diệt Tận Kinh, một quyển (dịch lần đầu, hoặc gọi pháp Một Tận Kinh, hoặc gọi Không Tịch Bồ-tát Sở Vấn Kinh).
- Vô Mẫu Tử Kinh, một quyển.

Cả một trăm hai mươi chín bộ, gồm một trăm năm mươi hai quyển kinh trên là do cư sĩ Ưu-bà-tắc Chi Khiêm, người nước Nguyệt Chi, tự là Cung Minh, lại có tên là Việt dịch ngày đời ngụy văn đế, ngày thời Hán Mạt ngài đã đến Lạc dương và theo học với ngài là Chi Lượng. Ngài Chi Lượng có tên tự là Kỷ Minh mà ngài Kỷ Minh lại học trò của ngài Chi-sấm. Ngài Ca-lâu-chi-sấm đã từng xem đủ các sách ghi chép ở đời Hán. Nên đời bấy giờ khen rằng trong thiên hạ những kẻ học rộng không ai hơn được ba vị này. Ngài Chi Khiêm đã từng xem đủ các kinh sách và đều thấu suốt rất ráo, các nghề khéo ở thế gian phần lớn đều am tường, học khắp mọi thứ sách khác lạ, biết rành tiếng nói của cả sáu nước. Ngài là người nhỏ nhắn, cao gầy đen đúa, mắt thì lòng trắng lớn mà con người màu vàng. Nên người thời ấy thường bảo rằng: Chàng Chi có mắt người vàng, dù thân thể ốm gầy và bé nhỏ nhưng đó là cái túi đầy Trí huệ. Lúc bấy giờ là thời Hán Mạt đầy loạn lạc nên ngài tạm lánh sang nước Ngô. Ngô Quyền nghe đồn ngài là kẻ tài trí nên mời ngài đến đàm đạo, ý rất vui bèn phong ngài Bác Sĩ, giúp dạy dỗ Thái tử. Ngài cùng với các người như Vĩ Diệu đều hết lòng phò giúp, tạo nhiều công ích lớn. Hiềm vì ngài là người Tây Vực nên trong sách Ngô Chí không ghi tên, chỉ dùng tài sức mà không ghi chép công lao. Đây là lỗi lầm của các sử gia nào phải do ý vua. Vì phàm là vua trong thiên hạ khi dùng các bậc hiền tài để phục vụ đời thì phong tước ở triều đình và ghi tên ngày sử sách, đâu hạn cuộc gì người Hoa hay kẻ rợ mà không ghi chép sao? Vả như Diệp Công, Tử Cao có tánh thích rồng thì Thiên Long liền giáng hiện. Đã không lấy lễ mà tiếp đãi dân Nhung Di, lại trông cậy họ thắm nhuần ân vua thì thật là việc khó được vậy! Song bộ xương

ngựa chết nằm giữa chợ tất phải là loại ngựa tài, lấy cái thuật bao dung để đọi hiền tài. Nay bởi quyền vua bao la có thể thu nạp và tự quyết đoán tất cả mọi thứ từ xưa nay.

Ngài Chi Khiêm thấy giáo pháp Đại thừa tuy đã lưu hành nhưng các kinh phần lớn đều là tiếng Phạm chưa được dịch hết. Nay do ngài biết rành tiếng địa phương nên đã thu nhặt khá nhiều các bản kinh xưa cũ để dịch ra tiếng Hán. Bắt đầu từ đầu năm Hoàng Võ đến cuối năm Kiến Hưng, trong khoảng trước sau hơn ba mươi năm, ngài đã dịch được các kinh như Duy-ma, Đại Bát-nê-hoàn, Pháp Cú, Thụy Ứng Bản Khởi... Các Lục như Tăng Hựu, Tam Tạng Tập Ký đều ghi chép là chỉ có ba mươi sáu bộ. Còn các Lục huệ Kiếu, Cao Tăng Truyện thì ghi là có bốn mươi chín bộ. Ngài Phí Phòng kiểm tra rộng rãi các tạng lục của mọi nhà thì từ Tứ Thập Nhị Chương Kinh trở đi đều là các Tạng kinh do Biệt ký nêu ra. Nay căn cứ ngày đó mà ghi lại, thì số lượng các sách truyện là ba mươi sáu bộ hoặc bốn mươi chín kinh, hình như đều do ngài Chi Khiêm dịch ra, sau này mới thu thập được, hoặc phần lớn trước đây chính là dịch từ tiếng Phạm ra. Song các việc ghi chép kể thuật về thấy nghe, về ý và thể giống nhau khá ít, cũng có các ghi chép rộng hẹp dài ngắn, nêu ra hoặc bỏ bớt, lại khác nhau rất nhiều. Vì các tư liệu của mỗi sử gia có thể bỏ đi hay lấy ngày là do lầm lẫn. Bởi biến pháp thì quá rộng sâu mà sự việc thì chỉ là một ngum, một giọt. Đã ra sức sưu tra rộng rãi các chỗ thấy nghe nên mới nêu trình đầy đủ ngày đó. Vả lại các kinh điển do ngài Chi Khiêm dịch ra nghĩa lý hợp với chỉ thú vẫn từ lại thanh nhã, thật quả là một bậc tài cao đức trọng. Lại căn cứ ngày Vô Lượng Thọ Kinh và Trung Bản Khởi Chế Bồ-tát mà soạn ra những câu văn vẫn tiếng Phạm từng ba tiếng một, đến nay hãy còn đang thịnh hành ở cả vùng Giang Hoài. Ngài lại chú giải, viết tựa kinh Liễu Bản Sinh Tử.

- Lục Độ Tập Kinh, chín quyển (một tên là Lục Độ Vô Cực Kinh, lại một tên là Độ Vô Cực Kinh, một tên Tạng Vô Cực Kinh. Thấy trong Trúc Đạo Tổ Lục và Tam Tạng Ký).

- Ngô Phẩm Kinh, năm quyển (tức là Tiểu Phẩm Bát-nhã thấy trong Tam Tạng Tập Ký).

- Bồ-tát Tịnh Hạnh Kinh, hai quyển (được dịch năm Xích Ô, tức Đại Tập Bảo Kiết Phẩm hoặc gọi tắt là Tịnh Luật Kinh, thấy trong Trúc Đạo Tổ Ngô Lục).

- Tạng Thí Dụ Tập Kinh, hai quyển (Hoặc không có chữ Tập thấy

trong Tăng Hựu Lục).

- A-nan Niệm Di Kinh, hai quyển (cũng gọi là Pháp A-nan Niệm Kinh, thấy trong Tăng Hựu Lục).

- Kinh Diện Vương Kinh, một quyển (thấy ở Tam Tạng Ký).

- Sát Vi Vương Kinh, một quyển (thấy trong Tăng Hựu Lục).

- Phạm Hoàng Vương Kinh, một quyển (thấy trong Hựu Lục và Cao tăng truyện).

- Quyền Phương Tiệm Kinh, một quyển (thấy ở Ngô Lục và Biệt Lục).

- Tọa Thiên Kinh, một quyển (thấy trong Ngô Lục và Biệt Lục).

- Bồ-tát Nhị Bách Ngũ Thập Pháp Kinh, một quyển (hoặc hai quyển, dùng Kinh này thay cho bộ Tăng Nhị Bách Ngũ Thập Giới Trình Hạo là đây).

- Pháp Kính Kinh Giải Tử Chú, hai quyển (có viết thêm tựa).

- Đạo Thọ Kinh Chú Giải, một quyển (có viết thêm tựa).

- An Ban Kinh Chú Giải, một quyển (có viết thêm tựa).

Cả mười bốn bộ gồm hai mươi chín quyển trên, ở đời Ngụy Tề Vương trong năm Chánh Thủy, do Khương Tăng Hội người Thiên Trúc dịch. Ngài học thông ba tạng thấu hiểu sáu kinh, rành rẽ Thiên văn đồ vĩ biện Luận điều cốt yếu, văn chương trác tuyệt. Lúc đó ba vị ở đời Ngô, trước đó có ngài Chi-sám tuyên dịch Kinh điển nhưng ở xứ này chỉ mới được giao tiếp với Phật pháp mà phong hóa chưa trùm khắp, nên ngài Tăng Hội muốn chấn hưng Đạo Pháp xây dựng chùa tháp ở chốn Giang Hoài. Ngài bèn chống tích trượng ngao du về phía đông. Bấy giờ là năm Xích Ô nhà Ngô, ngài đã đến kiến nghiệp bèn dựng chùa tranh thờ tượng Phật và giảng đạo. Thuở đó chốn này chưa hề có Sư Tăng nên nghi ngài làm việc lạ lùng đối trá. Quan Hữu Ty tâu với Quyền cho mời ngài đến để cật vấn:

- Phật có linh nghiệm gì mà ông cạo đầu mặc áo khác đời?

Ngài đáp:

- Đức Như Lai tịch diệt đã hơn ngàn năm, hài cốt của ngài còn lại ở thế gian gọi là Xá lợi khi ứng hiện ở đâu thì thần diệu vô cùng. Thuở xưa vua A-dục thống trị cõi Diêm-phù-đề đã xây dựng bốn vạn tám ngàn Bảo tháp để thờ cúng, nơi nào chùa tháp hưng thịnh là biểu hiện giáo pháp của Như Lai đã thấm nhuần.

Quyền cho đó là khoe khoang bố láo. Bèn bảo:

- Nếu có được Xá-lợi thì ta sẽ cho xây dựng chùa tháp còn như đám lúa dối thì luật nước sẽ trừng trị!

Ngài liền xin thời hạn bảy ngày. Ngài bảo đồ chúng rằng:

- Phật Pháp hưng nguy chỉ là một dịp này thôi, nay nếu tất cả chúng ta không chí thành thì tất sau này không còn kịp nữa.

Bèn cùng nhau trai giới tinh Lược, ngài lấy một cái bình bằng đồng đựng đầy nước rồi thắp hương lễ thỉnh suốt bảy ngày, nhưng chẳng thấy gì, lại chí thành cầu thỉnh suốt tuần lễ thứ hai cũng không có ứng nghiệm.

Quyền bảo:

- Thật dám cả gan lừa dối.

Sắp muốn đem gia hình. Ngài Tăng Hội xin cho được tuần lễ thứ ba. Quyền bèn đặc ân nhận lời.

Tăng Hội bảo bạn Đạo rằng: Tuyên Ni có nói: “Văn Vương đã mất mà vẻ đẹp lại không còn sao?”

Pháp linh đã ứng nghiệm nhưng vì bọn ta chưa cảm được đầy thôi. Xá gì luật vua, chúng ta quyết tâm đến chết mới thôi! Đến chiều tối ngày chót của tuần thứ ba cũng chẳng thấy gì, ai nấy đều run sợ. Mãi đến canh năm bỗng nghe trong bình có tiếng động. Ngài Tăng Hội đến xem thì quả nhiên thấy có xá-lợi. Sáng hôm sau đem trình lên quyền. Quyền thiết triều mời các quan đến xem, ánh sáng năm sắc từ miệng bình chiếu sáng rực rỡ. Quyền tự tay ôm bình đổ xuống mâm đồng, Xá lợi khi chạm ngày thì mâm đồng liền vỡ ra.

Quyền kinh hãi kính cẩn đứng phất dậy bảo rằng: “Điềm lành hiếm có!

Ngài Tăng Hội tiến lên thưa rằng oai thần của Xá-lợi đâu phải chỉ có chiếu sáng mà thôi, dù lửa của kiếp thiêu cũng không thể đốt cháy tan được, dù chày Kim cang cũng không thể đập vỡ được. Quyền ra lệnh thí nghiệm thử.

Ngài Tăng Hội nguyện rằng: “Mong mây pháp khắp che thấm nhuần chúng sinh kính ngưỡng, nguyện lại ban cho thần tích, rộng bày oai linh”.

Bèn để xá-lợi trong cối sắt, khiến kẻ lực sĩ lấy chày đập mạnh, nhưng rốt cục cối chày đều lõm ngày mà xá-lợi vẫn nguyên vẹn. Quyền vô cùng khâm phục liền ra lệnh xây tháp. Do đây mới có chùa Phật đầu tiên nên gọi là chùa Kiến sơ, nhân đó gọi nơi ấy là làng Phật-đà. Do đó mà vùng Giang tả Phật pháp được hưng thịnh, tất cả đều do công sức của ngài Tăng Hội. Đến đời Tôn Hạo thì chế lệnh hà khắc bạo ngược, dẹp bỏ việc thờ cúng lăng nhăng, lại muốn phá bỏ cả chùa Phật.

Hạo bảo các thuộc hạ: Những gì hưng thịnh tất phải có Thánh

Linh thì nên phụng thờ đạo ấy, còn những gì không linh nghiệm thì nên đốt sạch.

Các quan cùng tâu: “Oai lực của Phật không giống như các thần linh khác. Ngài Khương Tăng Hội cảm linh nghiệm nên Thái Thượng Hoàng xây dựng chùa đầu tiên, nay nếu khinh thường phá hủy đi thì ắt gây tai họa về sau”.

Ý Hạo chưa quyết, bèn sai Trương Dục đến chùa cật vấn ngài Tăng Hội. Dục đem hết tài giỏi biện luận lưu loát của mình để vấn nạn đủ thứ, ngài Tăng Hội tùy cơ mà ứng đối lời lẽ tao nhã nhưng sắc nhọn. Từ sáng mãi đến chiều Dục không thể nào khuất phục được ngài, bèn xin phép cáo lui, ngài Tăng Hội tiễn đưa tận ngoài cửa. Bấy giờ bên cạnh chùa lại có nhà thờ cúng lãnh nhãng, Dục lại bắt bẻ rằng: Huyền hóa đã hưng thịnh, vậy cơ sao bọn này ở gần chùa mà không thay đổi được họ?

Ngài Tăng Hội đáp: Sấm sét rền vang nhưng kẻ điếc nào nghe thấy gì? Vậy đâu phải vì diệu là ở tiếng mà quý ở chỗ lý hội, nếu lý đã rõ thì dầu muôn dặm, cũng đều thông, dù người ấy không phải liền nhà với giống Hồ Việt.

Dục trở về khen Tăng Hội, Hội vốn là người tài trí thông minh, sức của thần khó thể nào lường được. Cúi mong đèn trời đích thân đến kiểm soát. Hạo triệu tập các hiền tài trong triều đem ngựa xe đến đón ngài Tăng Hội.

Khi Hội ngồi ngày, Hạo bèn hỏi: “Phật Giáo thường nói về Thiện Ác báo ứng, vậy nó thế nào là đúng?”.

Hội thưa: Phàm bậc Minh chủ lấy việc Hiếu từ đem ra dạy đời thì chim quạ đỗ bay lượn, người già sống lâu; đem nhân đức mà nuôi dạy vật thì suối nước ngọt trào phun giống lành sinh sản. Việc làm lành đã có bằng cơ như thế thì có việc tạo ác cũng thể nghiệm biết. Cho nên làm ác đầu kín nhem thế nào thì quỷ cũng thấy được mà giết đi, còn việc làm ác đã rõ ràng khi người biết cũng khó dung cho sống. Chỉ ngâm vịnh cầu phước mà không hối lỗi thì đâu dễ bảo là chứa nhóm điều lành để có được nhiều vui khác. Tuy là lời dạy cặn kẽ của sách Nho thì cũng chính là ý sáng của kinh Phật.

Hạo nói: Nếu thế thì làm theo Chu Khổng cũng đủ rồi cần chi phải dùng đến Phật giáo?

Tăng Hội đáp: Lời dạy của Chu Khổng chỉ là điều sơ lược hướng dẫn người đời, còn giáo pháp của Thích-ca thì sâu kín, rộng nói về nhân quả. Cho nên hễ làm ác thì phải vĩnh kiếp chịu khổ đau chốn địa ngục,

còn tu thiện thì mãi thọ hưởng vui cõi trời. Nêu việc này để khuyên bảo mọi người làm lành lánh dữ cũng là việc hệ trọng lớn lao lắm chứ!

Hạo nghe ngày không thể bắt bẻ được gì, nhưng dù nghe Chánh pháp mà vẫn còn mê muội hung ác, chưa thắng nổi tánh bạo ngược của mình. Hạo thường bảo đám vệ binh sửa sang ngự uyển ở hậu cung. Khi ấy đào được một tượng bằng vàng cao hơn vài thước, bèn đem trình lên Hạo. Hạo bảo mang tượng đến chỗ bồn rồi lấy nước dơ mà dội ngày, cùng đám quần thần cười đùa lấy đó làm vui. Bỗng chốc cả mình mẩy Hạo sưng phù, chỗ kín đau nhức dữ dội. Kêu là thấu trời xanh, đám quần thần đều tái mặt kinh hồn. Quan Thái Sử chiếm quả bảo là Hạo đã xúc phạm Đại Thần linh, liền ra lệnh cúng tế khắp các miếu nhưng hoàn toàn đều vô hiệu.

Có một thể nữ trước đây có thờ kính Phật pháp, nhân đó đến thăm hỏi và tâu rằng: Bệ hạ đã đến cầu phước Phật chưa?

Hạo ngần đầu hỏi: Phật là Đại Thần Linh chăng?

Thể Nữ tâu: “Đức Phật đúng là vị Đại Thần Linh”.

Hạo tỉnh ra mới bày tỏ hết lòng thành của mình. Bấy giờ Thể nữ liền kính cẩn rước tượng ấy đem để trên điện rồi nấu nước thơm đem tắm rửa tượng hơn mấy mươi lần lại đốt hương sám hối. Hạo rập mình gục đầu trên gối, chí thành tự thú tội. Trong lúc đau đớn liền sai người đến chùa thăm hỏi Sa-môn rồi thỉnh ngài Tăng Hội về cung thuyết pháp. Ngài Tăng Hội theo ngày Hạo nhân đó hỏi đủ các lý về tội phước, ngài Tăng Hội bèn trình bày khúc chiết, lời lẽ rất tinh yếu. Hạo vốn là kẻ học rộng có tài nghe hiểu được rất đổi mừng vui, liền cầu xin được xem Tăng giới. Ngài Tăng Hội cho là giới cần phải giữ kín không thể nói năng bừa bãi, bèn lấy quyển Bồ-tát Bốn Nghiệp Bách Nhị Thập Ngũ Nguyện đem chia thành hai trăm năm mươi điều, giữ giống như hai trăm năm mươi giới của chư Tăng, rồi đem trình lên Hạo. Hạo đọc thấy mới biết chư Phật trong lúc đi đứng nằm ngồi đều cầu nguyện cho chúng sinh luôn được an vui, lòng từ bi rộng khắp tăng nhiều thiện ý, tâm sinh tin tưởng nương về. Hạo lại càng mừng vui hết lòng chuyên cần cố gắng, liền xin được thọ năm giới cùng ngài Tăng Hội, chỉ trong một tuần thì bệnh kia dứt hết. bèn sửa chữa trang trí ngôi chùa nơi ngài Tăng Hội ở, rồi khuyên bảo hàng tôn thất đều tin tưởng phụng thờ. Ngài Tăng Hội châu triều đình nhà Ngô luôn giảng nói Chánh pháp. Hạo vốn tánh hung dữ thô bạo không tin nhiệm được diệu nghĩa, chỉ trình bày việc báo ứng để khơi mở tâm ý ông ta. Nhưng ngài Tăng rồi rãnh thì nhiều người cầu thỉnh, ngài châu chùa Kiến sơ chuyên dịch các kinh đã

kể, lại tự chú giải và viết tựa đều rất hay, thể và văn nghĩa đều đầy đủ lại hợp nhau. Các kinh do ngài chú giải như An Ban Thủ Ý, Pháp Kinh Đạo Thọ... đều thấy ghi đủ trong các Lục. Ngài lại đặt ra các kệ tụng rất thanh cao, giọng điệu êm đềm, đến nay vẫn còn noi theo.

Nhà Ngô, tháng bốn năm Thiên Kỷ thứ tư thì Hạo đầu hàng nhà Tấn, đến tháng chín năm đó thì ngài Tăng Hội viên tịch.

- Tập Thí Dụ Kinh, tám mươi quyển.
- Tập Số Kinh, hai mươi quyển.
- A-duy-việt-trí Chuyển Kinh, mười tám quyển. (Cả ba kinh trên đều thấy ở Cựu Lục).
- Ma-ha Thừa Kinh, mười bốn quyển.
- Thực Phổ Diệu Kinh, tám quyển.
- Ma-ha-diễn Ưu-ba-đề-xá Kinh, năm quyển.
- Tam-muội Vương Kinh, năm quyển.
- Phạm Vương Thỉnh Vấn Kinh, năm quyển.
- Bất Thoái Chuyển Luân Kinh, bốn quyển.
- Phật Tùng Đâu-suất Giáng Trung Ấm Kinh, bốn quyển (rút từ Chánh Tông Lục).
- Tứ Thiên Vương Kinh, bốn quyển (nghe rằng một bộ có bốn bản).
- Ma Vương Thỉnh Vấn Kinh, bốn quyển (hoặc năm quyển).
- Na Tiên Thí Dụ Kinh bốn quyển (thấy trong Cựu Lục).
- Độ Vô Cực Thí Kinh, ba quyển (hoặc bốn quyển).
- Thích Đề Hoàn Nhân Sở Vấn Kinh, ba quyển.
- Đại Phạm Thiên Vương Thỉnh Chuyển Pháp Luân Kinh, ba quyển.
- Pháp Hoa Quang Thụy Bồ-tát Hiện Thọ Kinh, ba quyển.
- Phổ Hiền Bồ-tát Đáp Nạn Nhị Thiên Kinh, ba quyển.
- Như Thủ Bồ-tát Kinh, hai quyển (nghe là Nhu Thủ Bồ-tát Phân Vệ Kinh).
- Thái Tử Thí Nghê Bản Khởi Kinh, hai quyển.
- Tiểu Bản Khởi Kinh, hai quyển (thấy trong Cựu Lục).
- Bất Tư Nghì Công Đức Kinh, hai quyển (hoặc gọi Công Đức Kinh).
- Thực Thủ-lăng-nghiêm Kinh, hai quyển (thấy trong Cựu Lục, hình như dịch ra ở đất Thục).
- Hậu Xuất Thủ-lăng-nghiêm Kinh, hai quyển (thấy ở Cựu Lục).

bảo là có mười bài kệ).

- Phạm Thiên Vương Thỉnh Phật Thiên Thủ Kinh, hai quyển (lại có Đại Phạm Thiên Vương Kinh hai quyển, giống kinh này).

- Thâm Đoạn Liên Kinh, hai quyển.

- Cam Lộ Vị A-tỳ-đàm, hai quyển (hoặc gọi Cam Lộ Vị Kinh, hai quyển).

- Thất Phật Phụ Mẫu Tánh Tự Kinh, một quyển (Cựu Lục gọi là Thất Phật Tánh Tự Kinh).

- A-duy-việt-trí Bồ-tát Giới Kinh, một quyển (Cựu Lục gọi là A-duy-việt-trí Giới Kinh).

- Bồ-tát Thường Hành Kinh, một quyển.

- Ma-ha Mục-kiền-liên Dữ Phật Giác Năng Kinh, một quyển.

- A-nan Đắc Đạo Kinh, một quyển.

- A-nan Bát-nê-hoàn Kinh, một quyển.

- A-na-luật Niệm Phục Sinh Kinh, một quyển.

- Sa-môn Phân Vệ Kiến Quái Dị Kinh, một quyển.

- Nhân Trá Danh Vi Đạo Kinh, một quyển.

- Đại Giới Kinh, một quyển.

- Y Phục Chế Kinh, một quyển.

- Sa-di Ly Oai Nghi Kinh, một quyển.

- Đệ Tử Bản Hạnh Kinh, một quyển.

- Đạo Bản Ngũ Giới Kinh, một quyển.

- Oai Nghi Kinh, một quyển (Các kinh trên đều thấy ở Cựu Lục).

- Vị Thọ Tận Thiên Tử Thuyết Pháp Kinh, một quyển (Cựu Lục gọi là Mạng Tận Thiên Tử Kinh).

- Ma Thí Phật Kinh, một quyển (thấy trong Cựu Lục).

- A-tu-luân Vấn Bát Sự Kinh, một quyển (Cựu Lục gọi là A-tu-luân Sở Vấn Bát Sự Kinh).

- Ma-kiệt Vương Kinh, một quyển (Cựu Lục gọi: Ma-kiệt Quốc Vương Kinh).

- Tát-ba-đạt Vương Kinh, một quyển (thấy trong Cựu Lục).

- Thi-ha Biển Vương Kinh, một quyển (Cựu Lục gọi là Ni-ha Biển Vương Kinh).

- Niên Thiểu Vương Kinh, một quyển (thấy trong Cựu Lục).

- Thái Tử Pháp huệ Kinh, một quyển (Cựu Lục gọi là Thái Tử Pháp Kinh).

- Thị Quang Thái Tử Kinh, một quyển.

- Trưởng Giả Nan-đề Kinh, một quyển.

- Trường Giả Tử Thệ Kinh, một quyển.
- Ngũ Bách Bà-la-môn Vấn Hữu Vô Kinh, một quyển.
- Nữ Lợi Hạnh Kinh, một quyển (đều thấy trong Cựu Lục).
- Bản Nữ Thính Kinh Xà Niết Mạng Chung Kinh, một quyển (Tăng Hựu Lục gọi là Bản Nữ Thính Kinh Xà Niết Mạng Chung Sinh Thiên Kinh).
- Quốc Vương Si Phú Nhân Kinh, một quyển.
- Tử Phụ Nhân Duyên Kinh, một quyển.
- Dâm Nhân Duệ Chứng Hành Kinh, một quyển (đều thấy ở Cựu Lục).
- Tu-đa-la Kinh, một quyển (Cựu Lục gọi Tu-đa-la Nhập Thai Kinh).
- Nọa-ca Kinh, một quyển (thấy ở Cựu Lục, nhà Tấn gọi là Kiên Cường).
- Bàn-đạt Long Vương Kinh, một quyển (thấy trong Cựu Lục).
- Ngưu Mễ Tự Cúng Đường Kinh, một quyển (Cựu Lục gọi là Ngưu Mễ Tự Cúng Kinh).
- Hành Mục Thực Ngưu Kinh, một quyển (Cựu Lục có ghi).
- Đọa Thích-ca Mục Ngưu Kinh, một quyển (thấy trong Cựu Lục).
- Pháp Nghiêm Kinh, một quyển (thấy ở Cựu Lục nghi là bộ Đăng Nhập Pháp Nghiêm Kinh).
- Bích Tứ Kinh, một quyển.
- Mai Trí huệ Kinh, một quyển.
- Sơ Thọ Đạo Kinh, một quyển.
- Học Kinh Phước Kinh, một quyển.
- Chỉ Tự Trung Kinh, một quyển (đều thấy trong Cựu Lục).
- Vô Đoan Để Trì Kinh, một quyển (Cựu Lục gọi là Vô Đoan Để Tổng Trì Kinh).
- An Ban Hành Đạo Kinh, một quyển.
- Giải huệ Vi Diệu Kinh, một quyển.
- Thất Đạo Đắc Đạo Kinh, một quyển (đều thấy trong Cựu Lục).
- Tâm Tình Tâm Thức Kinh, một quyển (thấy Cựu Lục bảo có chú giải).
- Đạo Đức Quả Chứng Kinh, một quyển.
- Phụ Tử Nhân Duyên Kinh, một quyển (đều thấy trong Cựu Lục).
- Kiểm Ý Hương Chánh Kinh, một quyển.

- Huỳnh Hỏa Lục Độ Kinh, một quyển (Cựu Lục có Minh Độ Kinh, một quyển, một tên nữa là Huỳnh Hỏa Minh Độ Kinh).
- Tạp A-hàm Kinh, một quyển.
- Tiểu Quán thế Lâu Thán Kinh, một quyển.
- Nội Thiên Ba-la-mật Kinh, một quyển (đều thấy trong Cựu Lục).
- Tứ Bối Kinh, một quyển (Cựu Lục gọi là Tứ Sự Đệ Tử Kinh, hoặc gọi là Tứ Bối Học Kinh).
- Đại Tứ Đế Kinh, một quyển.
- Ngũ Phương Tiệm Kinh, một quyển.
- Ngũ Duy-việt-la Danh Giải Thuyết Kinh, một quyển.
- Ngũ Ấm Kinh, một quyển.
- Trung Ngũ Trước Thế Kinh, một quyển.
- Lục Ba-la-mật-đa Kinh, một quyển.
- Đại Thất Xa Kinh, một quyển.
- Bát Chánh Tà Kinh, một quyển.
- Bát Tổng Trì Kinh, một quyển.
- Bát Bối Kinh, một quyển.
- Bát Bộ Tăng Hạnh Danh Kinh, một quyển.
- Đại Thập Nhị Nhân Duyên Kinh, một quyển.
- Thập Bát Nạn Kinh, một quyển (đều thấy trong Cựu Lục).
- Ngũ Thập Nhị Chương Kinh, một quyển (thấy trong Cựu Lục riêng có Hiếu Minh Tứ Thập Nhị Chương Kinh).
- Bách Bát Ái Kinh, một quyển (thấy trong Cựu Lục hình như chép từ Ngũ Cái Nghi Kiết Kinh).
- Đãi huệ Tam-muội Kinh, một quyển (thấy trong Cựu Lục, một tên là Văn-thù-sư-lợi Vấn Bồ-tát Thập Sự Hạnh Kinh).
- Tiểu An Ban Chu Tam-muội Kinh, một quyển (thấy trong Cựu Lục).
- Thiên Hạnh Liễm Ý Kinh, một quyển (Cựu Lục gọi là Thiên Hạnh Kiểm Ý Kinh).
- Thiên Sở Kinh, một quyển (thấy trong Cựu Lục).
- Hóa Thí Kinh, một quyển (thấy trong Cựu Lục, cũng gọi là Hóa Dự Kinh).
- Quần Sinh Kệ Kinh, một quyển (thấy trong Cựu Lục).
- Đại Tổng Trì Thân Chú Kinh, một quyển (thấy trong Cựu Lục, cũng gọi là Tổng Trì Chú Kinh).
- Tát Hòa Bồ-tát Kinh, một quyển (thấy trong Cựu Lục, cũng gọi

là Quốc Vương Tát Hòa Bồ-tát Kinh).

- Huệ Định Phổ Biến Thần Thông Bồ-tát Kinh, một quyển (thấy trong Cựu Lục, cũng gọi là Huệ Định Phổ Biến Quốc Độ Thần Thông Bồ-tát Kinh).

- Bản Nữ Nhân Kinh, một quyển (thấy trong Cựu Lục, cũng gọi là Bản Nữ Nan-đà Kinh).

- A-thu-na Kinh, một quyển (thấy trong Cựu Lục, cũng gọi là A- thu-na Tam-muội Kinh).

Cả một trăm mười bộ gồm hai trăm chín mươi một kinh trên đều là do hai sách Cổ Lục và Cựu Lục ghi là các kinh mất tên người dịch. Nay thu góp lại phụ ngày đây để trình bày niên đại xa xôi, không chỗ ý cứ.